

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-ST
Ngày 18-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Khanh

Bà Đặng Thị Đôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2021 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/5/1972 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 8, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang B1 (đã chết) và bà Phan Thị T2 (đã chết); có chồng là Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1970, có 02 con: lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/02/2021; có mặt.

2. Bùi Thị L, sinh ngày 24/02/1986 tại Hải Phòng. Hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ 4 Vọng Hải, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Y tế; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn V, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị T4, sinh năm 1964; đang chung sống như vợ chồng với Đào Cư Đ1, sinh năm 1985, có 01 con sinh năm 2013; tiền án,

tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/6/2021; có mặt.

3. Đào Cư Đ, sinh ngày 01/4/1985 tại Hà Nội. Hộ khẩu thường trú: Tổ 21 phường P, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Thôn 2, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Cư T5, sinh năm 1955 và bà Đặng Thị H2, sinh năm 1958; đang chung sống như vợ chồng với Bùi Thị L, sinh năm 1986, có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/6/2021; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Đức A, sinh năm 2002; nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện K, T phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn K1, xã T2, huyện K, T phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Anh Đinh Nam V, sinh năm 1980; nơi cư trú: Phòng 2006 Tòa nhà CT3, đường 81 L, quận N, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Vũ Thị H; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đình Q; vắng mặt.

3. Anh Đặng Đông Đ1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T là nhân viên tạp vụ của Phòng khám đa khoa H - Công ty Cổ phần y tế H do anh Đinh Nam V là Chủ tịch hội đồng thành viên, có địa chỉ tại thôn M, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng từ năm 2014, đến đầu năm 2020 thì T nghỉ việc. Khoảng thời gian năm 2019 thì Bùi Thị L cùng với Phòng khám đa khoa H đi khám sức khỏe cho công nhân tại khu Công nghiệp Vship và quen biết T. Đến ngày 31/01/2020 Phòng khám đa khoa H bị đình chỉ hoạt động chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, không đủ điều kiện khám sức khỏe theo Quyết định số 95/QĐ-SYT ngày 31/01/2020 của Giám đốc Sở y tế Hải Phòng. Cũng thời gian tháng 01/2020 T nghỉ việc tại phòng khám, anh V cùng gia đình chuyển lên Hà Nội sinh sống và nhờ T trông coi phòng khám, dọn dẹp tại nhà ở của anh V. Khi T dọn dẹp ở phòng khám thì nhặt được 02 tờ giấy khám sức khỏe

đã có đầy đủ các thông tin, chỉ số khám sức khỏe, chữ ký, dấu của các bác sỹ và kết luận của giám đốc Phòng khám đa khoa H, nhưng chưa có thông tin của người khám sức khỏe. Khi T dọn dẹp nhà ở của anh V thì thấy các con dấu của Phòng khám đa khoa H tại phòng ngủ của anh V. Do có nhu cầu mua giấy khám sức khỏe để xin việc làm, anh Vũ Đức A đến các quán nước, bến xe để hỏi mua giấy khám sức khỏe và gặp một người không quen biết cho số điện thoại di động của Bùi Thị L là người có thể làm nhanh giấy khám sức khỏe. Sáng ngày 16/10/2020, Vũ Đức A gọi điện thoại cho L hỏi mua 02 tờ giấy khám sức khỏe mà không cần phải đến khám (01 tờ cho Đức A, 01 tờ cho bạn là Phạm Văn T1) thì L đồng ý và thỏa thuận giá tiền làm 02 tờ giấy khám sức khỏe là 600.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Đức A và T1 đến gặp L ở chợ H1, phường H, quận D đưa cho L 02 ảnh chụp chân dung cỡ 4x6 cm của Đức A và T1, phía sau ảnh đều ghi tên, tuổi, chiều cao, cân nặng của từng người và đưa trước cho L số tiền 200.000 đồng, L hẹn khi lấy giấy khám sức khỏe sẽ trả tiếp số tiền 400.000 đồng. L chụp ảnh chứng minh nhân dân của Đức A và T1 để lấy thông tin. Sau đó, L liên hệ với T để đặt làm 02 tờ giấy khám sức khỏe, T đồng ý. Chiều ngày 18/10/2020, L bảo Đặng Cư Đ mang ảnh 4x6 cm của Đức A và T1 đến nhà ở của T để T làm giấy khám sức khỏe, Đ đồng ý và điều khiển xe mô tô đến trước cổng nhà T đưa ảnh cho T và đứng ngoài cổng chờ. T đi vào nhà, bảo con dâu là Vũ Thị H viết hộ thông tin của Vũ Đức A, Phạm Văn T1 vào 02 tờ giấy khám sức khỏe của Phòng khám đa khoa H mà T đã nhặt được từ trước. Sau đó, T tự dán ảnh 4x6 cm vào 02 tờ giấy khám sức khỏe và lấy dấu của Phòng khám đa khoa H đóng giáp lai lên ảnh, rồi cầm ra đưa cho Đ, Đ trả 200.000 đồng cho T. Đ cầm 02 tờ giấy khám sức khỏe về đưa cho L.

Ngày 19/10/2020, L bảo Đ cầm 02 tờ giấy khám sức khỏe này đến gửi cho anh Đặng Đông Đ1, trú tại số 415 M, phường H, quận D để nhờ anh Đ1 về huyện K giao cho người mua; nhưng do Đ1 không về K nên đã nhờ anh Nguyễn Đình Q, trú tại thôn Đ2, xã Đ, huyện K là em rể anh Đ1 đi làm về qua lấy mang về nhà, sẽ có người đến lấy. Khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, khi Đức A đến nhà anh Q để nhận 02 tờ giấy khám sức khỏe và trả tiền 400.000 đồng thì bị Công an huyện K phát hiện bắt giữ và thu giữ vật chứng gồm: 02 tờ giấy khám sức khỏe, trong đó 01 tờ mang tên Vũ Đức A, 01 tờ mang tên Phạm Văn T1 và số tiền 400.000 đồng. Xe mô tô do L, Đ điều khiển để đi giao dịch đã bán cho người khác; chiếc điện thoại của T, L, Đ bị hỏng đã bỏ đi nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Khám xét chỗ ở của Đình Nam V, Cơ quan điều tra thu giữ 09 dấu gồm: 01 dấu tròn đỏ ghi “Công ty Cổ phần y tế H”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “giám đốc Vũ Trọng Hồng”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “Âm tính”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “BS. Tạ Duy Thuận”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “BS. Đào Thị Thúy Hoài”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “CNXN. Trần Thị Phương Thảo”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “BS.

Hoàng Quốc Trường”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “BS. Lê Hiệp Hòa”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “BS. Vũ Trọng Hồng”.

Theo kết luận giám định số 8827 ngày 29/01/2021 của Viện khoa học hình sự kết luận - Bộ Công an kết luận: Chữ viết cần giám định trên các mẫu A1, A2 (trừ các chữ viết “Bình Thường” dưới mục “3. Chẩn đoán hình ảnh”) so với chữ viết của Vũ Thị H là cùng một người viết ra. Các chữ “Bình thường” dưới mục “3. Chẩn đoán hình ảnh” so với chữ viết của Nguyễn Thị T không cùng một người viết ra; không đủ cơ sở để kết luận có phải do Vũ Thị H viết ra hay không.

Tại kết luận giám định số 3785 ngày 26/7/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Hình dấu tròn có nội dung Công ty cổ phần y tế Hùng V cần giám định so với dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra. Hình dấu chức danh Giám đốc BS. Vũ Trọng Hồng, hình dấu tên BS. Vũ Trọng Hồng, Tạ Duy Thuận, Hoàng Quốc Trường, Đào Thị Thúy Hoài, Lê Hiệp Hòa, CNXN: Trần Thị Phương Thảo trên mẫu cần giám định so với mẫu so sánh là cùng một con dấu đóng ra. Hình dấu Âm tính trên các mẫu cần giám định do con dấu mẫu so sánh đóng ra. Chữ ký, chữ viết của các BS. Vũ Trọng Hồng, Lê Hiệp Hòa, Tạ Duy Thuận, Đào Thị Thúy Hoài, Hoàng Quốc Trường cần giám định so với chữ ký, chữ viết trên mẫu so sánh không đủ cơ sở kết luận hoặc không phải do cùng một người ký, viết ra.

Đối với 01 dấu tròn đỏ ghi “Công ty Cổ phần y tế Hùng V”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “Giám đốc BS. Vũ Trọng Hồng”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “Âm tính”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “BS. Tạ Duy Thuận”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “BS. Đào Thị Thúy Hoài”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “CNXN. Trần Thị Phương Thảo”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “BS. Hoàng Quốc Trường”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “BS. Lê Hiệp Hòa”; 01 dấu hình chữ nhật ghi “BS. Vũ Trọng Hồng”. Do các bác sĩ và người đại diện theo pháp luật của Phòng khám đa khoa H không biết T sử dụng dấu để làm giả Giấy khám sức khỏe nên Cơ quan điều tra ra Q định xử lý vật chứng, trả lại cho người đại diện theo pháp luật của Phòng khám đa khoa H.

Số vật chứng còn lại là: 01 tờ giấy khám sức khỏe đề tên Vũ Đức A; 01 tờ giấy khám sức khỏe đề tên Phạm Văn T1 và số tiền 600.000 đồng (có 200.000 đồng do T tự nguyện giao nộp lại) chuyển Chi cục Thi hành án dân sự để xử lý theo vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSKT ngày 27/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận tội:

- Nguyễn Thị T khai: T làm nhân viên tạp vụ của Phòng khám đa khoa H do anh Đinh Nam V là Chủ tịch hội đồng T viên, thời gian từ năm 2014. Trong khoảng thời gian năm 2019, khi Phòng khám đa khoa H đi khám sức khỏe cho công nhân khu Công nghiệp Vship T có quen biết L. Đầu năm 2020 T nghỉ việc tại phòng khám nhưng được anh V nhờ T trông coi dọn dẹp phòng khám và nhà ở của anh V. Khi dọn dẹp ở phòng khám thì T nhặt được 02 tờ giấy khám sức khỏe đã có đầy đủ thông tin và chữ ký, dấu của các bác sỹ và kết luận của giám đốc Phòng khám nhưng chưa có thông tin, địa chỉ của người khám sức khỏe. Khi dọn dẹp nhà ở cho anh V thì T thấy nhiều con dấu của Phòng khám tại phòng ngủ của anh V. Khoảng ngày 16, 17 tháng 10 năm 2020, thì L gọi điện thoại nhờ T làm nhanh giấy khám sức khỏe cho 02 người, T đồng ý. L gửi tên, tuổi, địa chỉ và thông tin chiều cao, cân nặng qua Zalo cho T và hẹn sẽ cho Đ mang ảnh đến. T bảo con dâu là Vũ Thị H viết hộ thông tin của Vũ Đức A, Phạm Văn T1 vào 02 tờ giấy khám sức khỏe của Phòng khám đa khoa H mà T đã nhặt được từ trước. Chiều ngày 18/6/2020 Đ đến nhà T đưa 02 ảnh 4x6 cm của Đức A và T1, mặt sau đều ghi đầy đủ thông tin của người khám đúng như L đã gửi Zalo cho T. T dán ảnh trên vào 02 tờ giấy khám sức khỏe và lấy dấu của Phòng khám đa khoa H đóng giáp lai lên ảnh và giấy khám, rồi đưa cho Đ và được Đ trả cho số tiền 200.000 đồng. Đến ngày 19/02/2021 thì bị phát hiện xử lý.

Ngoài ra, T còn khai nhận: Vào khoảng thời gian tháng 01/2020, Bùi Thị L giới thiệu 01 người nam giới liên lạc với T để T dẫn đến Phòng khám làm 01 tờ giấy khám sức khỏe, nhưng T không nhớ cụ thể họ tên, địa chỉ của người khám, được L trả cho số tiền 100.000 đồng.

- Bùi Thị L và Đào Cư Đ khai nhận thống nhất như lời khai của T: L và Đ chung sống với nhau như vợ chồng, đã sinh được 01 con năm 2013. L làm việc tại trạm y tế phường Đ1, quận D. Thời gian cuối năm 2019, L đi khám sức khỏe cho công nhân khu công nghiệp Vship tại T có gặp quen biết T. Vào khoảng thời gian tháng 01/2020 L nhờ T làm 01 tờ giấy khám sức khỏe cho 01 người nam giới, L bảo Đ sang nhà T nhận giấy và trả tiền cho T 100.000 đồng. L, Đ bán lại cho người làm giấy 300.000 đồng. Sáng ngày 16/10/2020, L nhận được cuộc gọi điện thoại của Vũ Đức A muốn làm 02 tờ giấy khám sức khỏe, L đồng ý và thỏa thuận giá tiền là 600.000 đồng, hẹn gặp Đức A, T1 tại khu vực chợ Hương, phường H để lấy thông tin cá nhân, chiều cao, cân nặng, chụp ảnh chứng minh nhân dân của Đức A, T1 và gửi qua Zalo cho T vì trước đó L đã điện thoại cho T, T đồng ý làm. Đức A đưa trước cho L 200.000 đồng, còn lại 400.000 đồng khi nào nhận giấy sẽ trả hết và đưa cho L 02 ảnh chụp chân dung 4x6 cm của Đức A và T1. Chiều ngày 18/10/2020, Đ mang ảnh của Đức A, T1 cùng số tiền 200.000 đồng đến nhà T để

giao cho T làm 02 tờ giấy khám sức khỏe, sau đó Đ nhận 02 tờ giấy khám sức khỏe từ T mang về đưa cho L. Ngày 19/10/2020, L bảo Đ cầm 02 tờ giấy khám sức khỏe này đến gửi nhờ anh Đặng Đình Đ1 về huyện K giao cho Đức A, T1; nhưng anh Đ1 lại nhờ anh Nguyễn Đình Q (là em rể) mang về nhà ở Đ2, Đ, K. Đến 18 giờ 30 cùng ngày, khi Đức A đến nhà anh Q để nhận 02 tờ giấy khám sức khỏe và trả hết số tiền 400.000 đồng còn lại thì bị phát hiện, bắt giữ.

- Tại Cơ quan điều tra, Vũ Đức A, Phạm Văn T1 thống nhất khai: Đức A và T1 là quan hệ bạn bè, đều có nhu cầu làm giấy khám sức khỏe để đi xin việc làm mà không cần phải đến khám. Sáng ngày 16/10/2020, Đức A gọi điện thoại cho L hỏi mua 02 tờ giấy khám sức khỏe. L đồng ý và thỏa thuận giá tiền làm 02 giấy khám sức khỏe là 600.000 đồng và hẹn gặp Đức A, T1 tại khu vực chợ Hương, H, D. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Đức A cùng T1 đến điểm hẹn gặp L và đưa cho L ảnh chụp chân dung 4x6 cm của Đức A, T1; phía sau ảnh ghi thông tin về họ tên, tuổi, chiều cao, cân nặng và số tiền 200.000 đồng, còn lại 400.000 đồng khi L giao 02 tờ giấy khám sức khỏe sẽ trả hết. Sau đó, L chụp ảnh chứng minh nhân dân của Đức A, T1. Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19/10/2020 một mình Đức A đến nhà anh Q để nhận 02 tờ giấy khám sức khỏe và trả tiền 400.000 đồng cho L thì bị Công an phát hiện, bắt giữ cùng vật chứng. Nay Đức A và T1 không có yêu cầu đề nghị gì.

- Tại Cơ quan điều tra, Đinh Nam V khai: Công ty Cổ phần y tế H do anh V là Chủ tịch hội đồng T viên, trong đó có Phòng khám đa khoa H; có địa chỉ tại thôn M, xã N, huyện T, được cấp phép và đi vào hoạt động từ ngày 26/3/2013, có chức năng khám chữa bệnh, cấp giấy khám sức khỏe cho cá nhân đi học tập và làm việc. Phòng khám đa khoa H có Nguyễn Thị T là nhân viên tạp vụ từ năm 2014 đến đầu năm 2020 thì nghỉ việc. Từ ngày 31/01/2020 Phòng khám đa khoa H bị đình chỉ hoạt động, anh V mang toàn bộ con dấu của Công ty, Phòng khám, các y bác sỹ về nhà tại Thôn 8, T1, T cất giữ, quản lý. Anh V cùng gia đình chuyển lên Hà Nội sinh sống và nhờ T đến phòng khám và nhà ở của mình trông coi, dọn dẹp vì T được anh V giao chìa khóa phòng khám và chìa khóa nhà ở. Đến ngày 20/10/2020 anh V được thông báo sự việc T đã sử dụng dấu của Công ty, của Phòng khám làm giả 02 tờ giấy khám sức khỏe để hưởng lợi bị phát hiện bắt giữ và Cơ quan điều tra Công an huyện K tiến hành khám xét nơi ở của gia đình anh thu giữ 09 con dấu của Công ty, của Phòng khám. Hành vi làm giả 02 tờ giấy khám sức khỏe của T, thì anh V và các y, bác sỹ của Phòng khám đều không biết, không ai tham gia. Nay anh V đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần y tế H đã nhận lại đầy đủ 09 dấu bị thu giữ, không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

- Tại Cơ quan điều tra, Vũ Thị H khai: H là con dâu của T, chiều ngày 18/10/2020 T đưa cho H 02 tờ giấy khám sức khỏe của Phòng khám đa khoa H,

không có ảnh dán và bảo H viết hộ thông tin của Vũ Đức A, Phạm Văn T1 vào 02 tờ giấy khám sức khỏe theo sự hướng dẫn của T, H đồng ý. H chỉ viết hộ, không được bàn bạc, trả tiền công gì. Đây là lần đầu tiên H viết hộ T vào 02 tờ giấy khám sức khỏe xuất phát từ quan hệ mẹ - con.

- Tại Cơ quan điều tra, Đặng Đông Đ1 và Nguyễn Đình Q khai: Anh Đ1 là anh rể anh Q. Chị T7 (vợ anh Đ1) cùng làm tại Trung tâm y tế quận D nên có quen biết L. Khoảng 19 giờ ngày 18/10/2020, Đ cầm 02 tờ giấy khám sức khỏe đến hiệu thuốc của anh Đ1 nhờ gửi, dặn hôm sau có người qua lấy và thu hộ số tiền 400.000 đồng. Đến 14 giờ ngày 19/10/2020 thì L đến và gọi điện thoại cho Q và bảo anh Đ1 nhờ anh Q mang 02 tờ giấy khám sức khỏe về nhà ở Đ2, xã Đ, huyện K sẽ có người đến lấy và thu hộ 400.000 đồng. Đến 17 giờ cùng ngày, Q đi làm qua nhận 02 tờ giấy khám sức khỏe về nhà. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày thì Đức A đến nhà Q nhận 02 giấy khám sức khỏe và trả 400.000 đồng thì bị Công an huyện K bắt giữ cùng vật chứng. Anh Đ1, anh Q chỉ chuyển hộ, nhận tiền hộ, không được bàn bạc, không được trả tiền công, không biết 02 tờ giấy khám sức khỏe là giả.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và đặc điểm nhân thân của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày lời luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt:

+ Nguyễn Thị T mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 60 tháng.

+ Bùi Thị L mức án từ 27 tháng đến 30 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng.

+ Đào Cư Đ mức án từ 24 tháng đến 27 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 48 tháng đến 54 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; phạt tiền các bị cáo T, L, Đ: Mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu số tiền 600.000 đồng của các bị cáo do phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 tờ giấy khám sức khỏe đề tên Vũ Đức A, 01 tờ giấy khám sức khỏe đề tên Phạm Văn T1.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, các bị cáo đều T khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản kiểm tra hành chính, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 18/10/2020 Nguyễn Thị T đã có hành vi làm giả 02 giấy khám sức khỏe của Phòng khám đa khoa H - Công ty Cổ phần y tế H cho Vũ Đức A và Phạm Văn T1 theo bản bạc, thỏa thuận của Bùi Thị L để L và Đào Cư Đ bán cho Đức A, T1 nhằm thu lợi bất chính số tiền 600.000 đồng; đến 18 giờ 30 phút ngày 19/10/2020 thì bị phát hiện bắt giữ cùng vật chứng. Như vậy, hành vi của Nguyễn Thị T, Bùi Thị L, Đào Cư Đ đã thỏa mãn cấu T đồng phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về tài liệu, gây dư luận xấu trong nhân dân nên cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo, đồng thời để phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi Quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo trong vụ án:

- Trong vụ án này, các bị cáo đều bàn bạc thống nhất rủ nhau cùng làm giả 02 giấy khám sức khỏe để bán nhằm hưởng lợi nhuận. Bị cáo T chuẩn bị 02 tờ giấy khám sức khỏe, dấu của Phòng khám đa khoa H, tiếp nhận ảnh chân dung và các thông tin của Đức A, T1 do bị cáo L, Đ cung cấp, hướng dẫn H (con dâu) viết hộ vào 02 tờ giấy khám sức khỏe và tự đóng dấu giáp lai vào ảnh giao lại cho L, Đ bán và hưởng lợi 200.000 đồng; nên T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, T khẩn khai báo và ăn năn hối cải, tự nguyện nộp lại số tiền 200.000 đồng do thu lợi bất chính, có nơi cư trú rõ ràng. Gia đình bị cáo có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo L, Đ đều tham gia tích cực. L là người trực tiếp bàn bạc trao đổi với T, trực tiếp đồng ý và hẹn gặp thỏa thuận với Vũ Đức A, Phạm Văn T1 yêu cầu cung cấp thông tin, ảnh chân dung, chụp ảnh chứng minh nhân dân để bán 02 giấy khám sức khỏe với Đức A, T1. Đ giúp sức tích cực cho L và T để hưởng lợi nhuận. Cần xử phạt nghiêm đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; T khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đều có nơi cư trú rõ ràng; đều được gia đình có đơn xin bảo lãnh được chính quyền xác nhận. Bị cáo L có ông nội tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Ba, có 03 ông bác, chú ruột đều là liệt sỹ. Bị cáo Đ có bác ruột, chú ruột tham gia kháng chiến được tặng Huân Huy chương kháng chiến Hạng Nhì, Ba. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự thì các bị cáo bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Cần tịch thu số tiền 600.000 đồng của các bị cáo do phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước.

- 02 tờ giấy khám sức khỏe đề tên Vũ Đức A, Phạm Văn T1; cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Trong vụ án này, Vũ Thị H là con dâu của Nguyễn Thị T có hành vi viết hộ thông tin của Vũ Đức A, Phạm Văn T1 vào giấy khám sức khỏe của Phòng

khám đa khoa H nhưng không được bàn bạc, không được trả tiền công, không biết T làm giả giấy khám sức khỏe nên không bị xử lý là phù hợp. Đối với anh Đặng Đông Đ1, anh Nguyễn Đình Q có hành vi giúp L, Đ chuyển giao 02 giấy khám sức khỏe cho Vũ Đức A và nhận tiền hộ, nhưng không biết 02 giấy khám sức khỏe do L, T làm giả, không được bàn bạc và trả tiền công; nên Cơ quan điều tra Công an huyện K không xử lý là có căn cứ. Ngoài ra, các bị cáo còn khai nhận khoảng tháng 01/2020, Bùi Thị L giới thiệu 01 người nam giới để T dẫn đến Phòng khám đa khoa H khám sức khỏe. Đến nay, Cơ quan điều tra chưa thu hồi được Giấy khám sức khỏe này và chưa xác định được người mua Giấy khám sức khỏe nên tách ra điều tra xử lý sau là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt:

+ Nguyễn Thị T 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Bùi Thị L 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 (năm mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo L cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Đào Cư Đ 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đ cho Ủy ban nhân dân phường P, quận H, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.”

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; phạt tiền các bị cáo để sung công quỹ Nhà nước: Nguyễn Thị T 5.000.000đ (năm triệu đồng), Bùi Thị L 5.000.000đ (năm triệu đồng), Đào Cur Đ 5.000.000đ (năm triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) của các bị cáo do phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước (theo B1 lai thu tiền số 0002911 ngày 29/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 tờ giấy khám sức khỏe đề tên Vũ Đức A, 01 tờ giấy khám sức khỏe đề tên Phạm Văn T1 (theo B1 bản giao nhận vật chứng ngày 29/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong phần phạt tiền thì các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bị cáo Nguyễn Thị T, Bùi Thị L, Đào Cur Đ: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thị T, Bùi Thị L, Đào Cur Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T phố Hải Phòng;
- VKSND T phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- THA hình sự + PC 10 + PV 06;
- Chi cục THADS + Sở tư pháp;
- Các bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- UBND xã T1, huyện T, TP Hải Phòng;
- UBND xã G, huyện T, TP Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền

- UBND phường P, quận H, TP Hà Nội.
- Lưu: hồ sơ vụ án; án văn.